

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày 06 tháng 02 năm 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Việt;

Ông Phùng Quốc Quân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La;

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Doanh nghiệp T. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lê Công L - Giám đốc. Người Đ diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn V – Phó giám đốc. Có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Tài L, sinh năm 1954 và bà Lê Thị M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Tài Đ, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Minh M – Tiểu khu trưởng Tiểu khu A, xã N. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/4/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người Đ diện theo pháp luật ông Lê Công L và người Đ diện theo ủy quyền ông Dương Văn V trình bày như sau:

Doanh nghiệp T (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp T) được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sơn La chuyển giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La từ Doanh nghiệp Trường Sơn theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 01/01/2011. Ngày 16/7/2013, Doanh nghiệp T đã được UBND tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất với tổng diện tích là 41.483,1m² tại khu đô thị mới Ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Quyết định số 1482/QĐ-UBND.

Thực hiện dự án, UBND huyện M đã tiến hành kê khai, kiểm đếm đền bù theo Quyết định đền bù số 174/QĐ-UB ngày 22/3/2005 về việc phê duyệt giá trị đền bù giải phóng mặt bằng đợt 1 Công trình xây dựng ngã ba N, huyện M và Quyết định số 864/QĐ-UB ngày 31/8/2005 về việc phê duyệt giá trị đền bù giải phóng mặt bằng Công trình xây dựng ngã ba N, huyện M (bổ sung đợt 2). Doanh nghiệp đã ứng vốn để đền bù giải phóng mặt bằng theo các quyết định trên, chi trả các hộ gia đình đang sử dụng đất và đất 5% của xã. Ngày 27/4/2012, Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Sơn La; UBND huyện M; UBND xã N và các phòng ban của huyện M đã tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Doanh nghiệp (thể hiện biên bản bàn giao đất ngày 27/4/2012). Trong số diện tích đất được giao có diện tích đất hiện gia đình bà Đỗ Thị N, ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M, gia đình anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang lấn chiếm sử dụng thuộc thửa đất số 31, lô 3A tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Ngã ba N 1/500. Đối với diện tích đất này, Doanh nghiệp đã ứng tiền và chi trả tiền đền bù về đất cho bà Nguyễn Thị K với tổng số tiền là 14.496.000VNĐ theo phiếu chi ngày 30/10/2005. Khi đó, bà Đỗ Thị N đang mượn đất của bà K để ở, trên đất có 01 ngôi nhà tạm cấp bốn và một số cây cối nhỏ. Tuy nhiên, khi Hội đồng giải phóng mặt bằng phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc kiểm kê tài sản trên đất để làm thủ tục

bồi thường, bà N cố tình chống đối, không hợp tác nên chưa thực hiện được việc kiểm kê và đền bù tài sản trên đất cho bà Đỗ Thị N.

Để đảm bảo việc thực hiện dự án, ngày 21/5/2013 Doanh nghiệp ra Thông báo số 40/TB-DN về vị trí đất gia đình bà Đỗ Thị N đang mượn để ở thuộc thửa đất số 31, lô 3A là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Doanh nghiệp và yêu cầu bà N tự thu xếp chỗ ở để giao trả lại đất cho Doanh nghiệp. Đồng thời, ngày 18/6/2013 UBND xã N, huyện M đã có Thông báo số 182/TB-UBND cho bà Đỗ Thị N được biết vị trí đất gia đình bà N đang mượn để ở là đất do bà Nguyễn Thị K cho mượn tạm để ở và đất 5% của xã, thuộc thửa đất số 31, lô 3A là đất UBND tỉnh Sơn La đã trả cho Doanh nghiệp. Tuy nhiên, bà N cố tình không bàn giao đất cho Doanh nghiệp.

Năm 2013, bà N đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho gia đình ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M. Ngày 17/3/2014, gia đình ông L đã tổ chức xây dựng trái phép trên ô đất số 9, thửa 31, lô 3A, thuộc qui hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/500, khu dân cư đô thị mới ngã ba N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 082914 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 16/7/2013 cho Doanh nghiệp T. Việc này, UBND xã N, huyện M đã lập biên bản vi phạm hành chính số 48/BB-VPHC ngày 17/3/2014; Quyết định số 21/QĐ-CT ngày 18/3/2014 của UBND xã N, huyện M về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 25/QĐ-CT ngày 21/3/2014 của UBND xã N, huyện M về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị nhưng gia đình ông L vẫn không chấp hành và tiếp tục thi công xây dựng.

Việc bà N và gia đình ông L cố tình lấn chiếm đất của Doanh nghiệp đã được UBND tỉnh Sơn La giao để xây dựng khu đô thị mới N đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng dự án, lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp nên ngày 10/4/2014, Doanh nghiệp đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia đình bà N và ông L tháo dỡ tài sản, thu dọn vật liệu trả lại mặt bằng và trả lại đất đang chiếm giữ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà N cương quyết không thực hiện theo quyết định của Tòa án và tiếp tục chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Tài Đ (con trai của ông Nguyễn Tài L) và vợ là Nguyễn Thị Bích L. Đồng thời, bà N và anh Đ tiếp tục xây dựng các công trình trên đất trái phép. UBND xã N, huyện M đã lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng số 40/BB-VPHC ngày 23/10/2015 và số 42/BB-VPHC ngày 27/10/2015; Quyết định số 140/QĐ-CT ngày 28/10/2015 của UBND xã N, huyện M về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 143/QĐ-CT ngày 30/10/2015 của UBND xã N, huyện M về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị nhưng bà N, anh Đ vẫn không chấp hành và tiếp tục thi công xây dựng.

Vì vậy, Doanh nghiệp đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà Đỗ Thị N, ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M, anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L tháo dỡ tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng trả lại đất cho Doanh nghiệp, đồng thời bồi thường, chịu mọi chi phí L quan.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Năm 2001, bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng khoảng 80m² đất của UBND xã N, huyện M với giá là 7.000.000VNĐ, có Biên bản bàn giao đất ngày 18/01/2002 kèm theo sơ đồ thửa đất. Ngoài ra, bà có khai hoang, lấp bờ suối nên diện tích đất thực tế lớn hơn. Hàng năm, bà có đóng thuế sử dụng đất đối với diện tích đất trên nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng tháng 3, 4 năm 2013, bà chuyển nhượng quyền sử dụng khoảng 7m đất chiều mặt đường (chiều sâu bà không biết) cho ông Nguyễn Tài L với giá thỏa thuận là 45.000.000VNĐ. Việc chuyển nhượng hai bên không làm giấy tờ gì, không mời chính quyền tiểu khu và UBND xã N tham gia. Bà N xác nhận từ năm 2001 đến nay bà cư trú tại xã N, huyện M nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu thường trú tại tiểu khu 1, xã N, huyện M. Bà có biết việc UBND tỉnh Sơn La thu hồi đất tại khu vực tiểu khu 1, xã N và giao cho Doanh nghiệp T xây dựng khu đô thị mới N, trong đó có diện tích đất bà đang ở. Tuy nhiên, bà cho rằng bà đã mua đất của xã N trước đó nên bà tiếp tục ở, không đi đâu và cũng không nhận tiền đền bù. Nay Doanh nghiệp T khởi kiện yêu cầu bà phải di dời khỏi thửa đất bà đang ở, bà không nhất trí trả đất cho Doanh nghiệp. Đồng thời, bà cho rằng bà là hộ gia đình chính sách, vợ của liệt sỹ nên UBND xã N phải có trách nhiệm xem xét về đất ở đối với bà.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M trình bày:

Vào đầu năm 2012, gia đình ông có nhận chuyển nhượng khoảng 120m² đất vườn, không có tài sản gì tại khu đô thị mới xã N, huyện M của bà Đỗ Thị N. Khi nhận chuyển nhượng, ông biết nguồn gốc đất là do UBND xã N cấp cho bà Đỗ Thị N nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá theo thỏa thuận là 45.000.000VNĐ, việc mua bán này có ông B (Bí thư Chi bộ tiểu khu 1) là người làm chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đã đổ khoảng hơn 200m³ đất để làm nền. Đến tháng 02/2014 ông bắt đầu xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất đó, hiện nay đang sử dụng. Tổng số tiền ông đầu tư xây dựng công trình trên đất gồm: San đất, xây nhà, xây tường bao... khoảng 300.000.000VNĐ. Nay Doanh nghiệp T khởi kiện yêu cầu ông L và bà M trả lại diện tích đất lấn chiếm, ông bà cho rằng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà N, đã xây dựng công trình kiên cố trên đất nên đề nghị Tòa án xem xét quyền và lợi ích hợp pháp khi giải quyết vụ án.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Vợ chồng anh chị được bà Đỗ Thị N chia cho một mảnh đất vào năm 2015 tại Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La và anh chị có nghĩa vụ xây nhà cho bà N và chăm sóc bà lúc tuổi già. Thực hiện thỏa thuận, anh chị đã đổ đất, san ủi mặt bằng và xây dựng cho bà N một ngôi nhà cấp bốn cùng với công trình phụ, tổng chi phí là 300.000.000VNĐ. Đất bà N chia cho anh có nguồn gốc là do UBND xã N giao và bà N đã sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay. Phần đất bà N giao cho, vợ chồng anh đã san ủi mặt bằng và xây dựng 02 dãy nhà trọ kiên cố trên đất để kinh doanh. Nay Doanh nghiệp khởi kiện đòi lại diện tích đất mà bà N chia cho, anh Đ và chị L đề nghị Tòa án xem xét quyền lợi chính đáng đối với các tài sản kiên cố đã xây dựng trên đất.

Theo lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị K: Bà xác nhận gia đình bà có một diện tích đất khai phá từ năm 1981 và sử dụng để canh tác nông nghiệp L tục trên đó. Ngày 18/5/2003 gia đình bà có cho ông Phạm Văn T tạm quản lý, trông trọt (cho thuê) và mỗi năm ông Phạm Văn T phải trả cho gia đình bà 100kg ngô hạt, khi nào gia đình bà có nhu cầu thì lấy lại. Ngày 31/8/2005, thực hiện theo dự án khu đô thị mới ngã ba N, gia đình bà có kê khai, kiểm đếm và nhận tiền đền bù của thửa đất nói trên và đã bàn giao đất cho Doanh nghiệp để thực hiện dự án. Tổng diện tích đất gia đình bà kiểm đếm và nhận tiền đền bù là 1.812m² với số tiền nhận đền bù là 14.496.000VNĐ. Riêng phần tài sản nhà bà N, gia đình bà cho thuê và cho mượn nên gia đình bà không nhận tiền đền bù phần tài sản đó. Bà khẳng định thửa đất mà các bên đương sự đang có tranh chấp, nguồn gốc là của bà, đến nay bà đã nhận đủ số tiền đền bù và đã bàn giao đất cho Doanh nghiệp.

Theo lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Minh M (làm tiểu khu trưởng tiểu khu A xã N, huyện M từ năm 2004 đến nay) trình bày: Bà Đỗ Thị N có hộ khẩu thường trú tại huyện H, Thành phố Hà Nội lên huyện M sinh sống từ năm 1981 cho đến nay, bà N không có nơi cư trú ổn định, năm 2001 bà N được bà Nguyễn Thị K cho mượn đất và làm nhà tạm để ở. Năm 2005, khi xây dựng dự án khu đô thị mới, ông Mệnh là người cùng với tổ giải phóng mặt bằng đã đền bù đất cho bà K, thời điểm này tài sản trên đất của bà N có 01 ngôi nhà tạm, ngoài ra không có gì khác. Sau đó bà N có làm hai gian nhà tạm và trồng một số cây cối trên đất như biên bản xem xét tại chỗ của Tòa án Mai Sơn vào năm 2014 đã thể hiện. Đến năm 2015 bà N đã cho anh Nguyễn Tài Đ (con trai ông Nguyễn Tài L) một phần đất để làm phòng trọ, đổi lại anh Đ đã xây nhà cấp 4 cho bà N và đổ đất san lấp hết cây cối tài sản trước đây bà N trồng. Khi xây dựng anh Đ và bà N đã bị UBND xã ra thông báo về buộc ngừng thi công và Quyết định

đình chỉ xây dựng, cán bộ xã và ban quản lý tiểu khu đã giải thích nhưng anh Đ không thực hiện và vẫn tiếp tục xây dựng. Đến thời điểm này bà N chưa chuyển khẩu lên xã N, quá trình sinh sống tại tiểu khu bà N không thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú và các quy ước, hương ước của tiểu khu. Nay Doanh nghiệp T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2017 đối với đất và tài sản trên diện tích đất bà Đỗ Thị N, ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M, anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang sử dụng. Đồng thời, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Vũ Tiến D – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M là người trực tiếp tham gia công tác kiểm đếm giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị mới N; xác minh với ông Lò Văn L – Phó Chủ tịch, Ông Nguyễn Minh M là tiểu khu trưởng tiểu khu 1, xã N (nơi có đất tranh chấp) và ông Lò Văn C – Nguyên Chủ tịch UBND xã N về việc giao đất cho bà Đỗ Thị N.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 149, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 247, Điều 256, Điều 258, Điều 599 Bộ luật dân sự 2005 xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của DN T, buộc đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ tài sản để trả lại toàn bộ diện tích đất tại các ô 9, 10, 11, 12, 13 thuộc thửa số 31, lô 3A, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đ diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 17/2017/DS-GĐT ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2014/DSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện M, giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện M xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do đó vụ án được thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Về quan hệ pháp luật, Doanh nghiệp T căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Sơn La cấp để khởi kiện gia đình bà N và ông L trả lại đất bị sử dụng trái phép. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa

án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định.

Đối với đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Căn cứ kết quả điều tra xác minh và ý kiến của các đương sự xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc một phần diện tích là quỹ đất 5% của xã N, huyện M, tỉnh Sơn La và một phần diện tích đất là do bà Nguyễn Thị K khai hoang từ năm 1981. Diện tích đất này nằm tại các ô đất số 9, 10, 11, 12, 13, thửa đất số 31, lô 3A, thuộc tờ bản đồ chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N. Năm 2004, UBND tỉnh Sơn La đã thu hồi toàn bộ diện tích đất trên giao cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng S thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 28/4/2004 theo hình thức “*Dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng*”. Ngày 09/4/2012, UBND tỉnh Sơn La ra quyết định thu hồi đất của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng S tại xã N, huyện M, giao lại cho Doanh nghiệp T và UBND huyện M quản lý. Ngày 27/4/2012, UBND huyện M; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Sơn La; các phòng ban có liên quan của huyện M; UBND xã N, huyện M; Doanh nghiệp tư nhân KD-TH T và các ông bà tiểu khu trưởng Đ diện cho chính quyền tiểu khu 1, 2, 3 xã N đã tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho Doanh nghiệp T. Ngày 16/7/2013 UBND tỉnh Sơn La đã ra Quyết định số: 1482/QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 082914 cho Doanh nghiệp tư nhân KD-TH T tại khu đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Như vậy, diện tích đất tranh chấp thuộc các ô đất số 9, số 10, số 11, số 12 và số 13, thửa đất số 31, lô 3A, thuộc tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Doanh nghiệp T.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Tài L, bà Lê Thị M phải tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trái phép trên đất tại thửa đất số 31 lô 3A. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M xác định tổng diện tích đất hiện tại Doanh nghiệp T khởi kiện đòi quyền sử dụng là 480,7m², cụ thể bà Đỗ Thị N đang sử dụng 141m², ông Nguyễn Tài L 120,4m², anh Nguyễn Tài Đ làm nhà ở là 219,3m².

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đỗ Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện H, Thành phố Hà Nội, năm 2001 bà lên xã N, huyện M để sinh sống, bà N có xuất trình một bản phôtô Biên bản bàn giao đất ngày 18/01/2002 kèm theo sơ đồ thửa

đất do UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La giao (có chữ ký xác nhận của chủ tịch UBND xã ông Lò Văn C) và bà có khai đã nộp 7.000.000VNĐ nhưng không xuất trình được Biên lai thu tiền. Qua xác minh với Cán bộ Địa chính xã N, ông Lò Văn L – Phó Chủ tịch và ông Lò Văn C – Nguyên Chủ tịch UBND xã N từ năm 1986 đến năm 2004 đều xác định, các diện tích đất giao theo các Biên bản giao đất đều là đất 5% của xã N, giao cho các hộ đang có nhu cầu sử dụng đất (trong đó có bà Đỗ Thị N) nhưng các hộ muốn được quyền sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước và phải được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi tạm giao đất, hộ của bà Đỗ Thị N thuộc diện được UBND xã N giao đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/8/2009 UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La đã ra Thông báo tới toàn thể các tổ chức, cá nhân trong xã biết: *“Tất cả các giấy tờ giao đất, tạm giao đất do UBND xã trước đây cấp để làm hồ sơ thủ tục cấp quyền sử dụng đất đều không có giá trị...”*. Đồng thời, qua xác minh với Tiểu khu trưởng Tiểu khu A, UBND xã N xác nhận bà N sinh sống tại địa phương nhưng chưa làm thủ tục đăng ký tạm trú, chưa có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Tòa án đã tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội xác định: bà Đỗ Thị N, sinh năm 1950. Nơi đăng ký hộ thường trú: Khu vực 6, xã C, huyện H, Thành phố Hà Nội. Hiện tại, bà N đang được hưởng các chế độ chính sách là vợ của Liệt sỹ tại địa chỉ trên. Như vậy bà N không thuộc diện được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đ diện UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La và bà Nguyễn Thị K cũng như ông Phạm Văn T đều khẳng định: Diện tích đất mà các bên đương sự đang có tranh chấp trước đây một phần là đất 5% của xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Năm 2003, bà Nguyễn Thị K có tạm giao cho ông Phạm Văn Ty quản lý để trồng trọt, sau đó bà N đã sử dụng. Tại Quyết định số: 1789/QĐ-UB của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư ngã ba N, UBND xã N và bà Nguyễn Thị K đã kê khai toàn bộ diện tích đất bị thu hồi và nhận đủ số tiền đền bù diện tích đất bị thu hồi là 14.496.000VNĐ theo phiếu chi ngày 30/10/2005, đồng thời đã bàn giao toàn bộ diện tích đất mà ông T mượn của bà K (bà N đang sử dụng) cho Ban quản lý dự án khu đô thị mới ngã ba N, huyện M, tỉnh Sơn La quản lý, sử dụng. Bà N thừa nhận có biết việc diện tích đất mình đang sử dụng thuộc quy hoạch khu đô thị mới Ngã ba N là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của Doanh nghiệp T nhưng vẫn cố tình không hợp tác trong công tác giải phóng mặt bằng, từ chối nhận tiền bồi thường.

Theo xác minh của Tòa án với Đ diện Tiểu khu trưởng Tiểu khu A, xã N và ông Vũ Tiến D – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện M (là thành viên Hội đồng giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 950/QĐ-UB của UBND huyện M ngày 02/12/2004) cho biết, bà N không hợp tác khi Hội đồng giải

phóng mặt bằng tiến hành kiểm đếm, gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng và không thể đền bù tài sản trên đất cho bà N. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định việc bà N đang sử dụng đất tại thửa số 31 lô 3A là trái với quy định của pháp luật về đất đai.

Thời điểm Hội đồng giải phóng mặt bằng kiểm đếm tài sản, trên đất bà N đang sử dụng có 01 ngôi nhà tạm, ngoài ra không có tài sản nào khác. Đối với toàn bộ đất đai và tài sản khác bà Nguyễn Thị K đã được đền bù. Như vậy, có căn cứ khẳng định khi bàn giao đất cho Doanh nghiệp, tài sản trên đất của bà N gồm 01 ngôi nhà tạm, ngoài ra không có cây cối hoa màu nào khác. Hiện tại, những tài sản trên đất thời điểm năm 2005 không còn nên không có căn cứ để đền bù.

[4] Đối với những tài sản bà N đã tự ý xây dựng gồm 01 ngôi nhà tường 10 lợp proximang, bếp, chuồng gà và một số cây ăn quả... như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2014 của Tòa án. Đến thời điểm hiện tại, bà N đã cho anh Nguyễn Tài Đ phá bỏ toàn bộ tài sản trên vào năm 2015, xây dựng 01 ngôi nhà xây cấp bốn lợp mái tôn, tường 10 gạch Cenamic; bếp và công trình vệ sinh cấp bốn, lợp proximang láng vữa xi măng; sân rửa; bán mái... trên diện tích 141,0m² (thuộc thửa 31/10 và một phần thửa 31/11, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M). Việc xây dựng tài sản trên đất, bà N đã bị UBND xã N, huyện M lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng số 40/BB-VPHC ngày 23/10/2015 và số 42/BB-VPHC ngày 27/10/2015; Quyết định số 140/QĐ-CT ngày 28/10/2015 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 143/QĐ-CT ngày 30/10/2015 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị. Đây đều là những tài sản bà N tự ý xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm của Doanh nghiệp sau khi đã có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Sơn La. Vì vậy, không có căn cứ buộc Doanh nghiệp phải bồi thường tài sản trên đất hiện có cho bà Đỗ Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Doanh nghiệp T đã chủ động đề nghị được hỗ trợ di dời tài sản trên đất cho bà N là 30.000.000VNĐ, số tiền đã được nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M theo Biên lai thu tiền số AB/2010/004015 ngày 22/01/2018. Xét thấy, việc hỗ trợ bồi thường tài sản trên đất không trái quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của bà N, cần chấp nhận.

[5] Xét việc bị đơn ông Nguyễn Tài L và bà Đỗ Thị N vào năm 2012 đã tự chuyển nhượng cho nhau với giá 45.000.000VNĐ đất thuộc thửa số 31/9 thuộc lô 3A thuộc tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, khi chuyển nhượng không có hợp đồng bằng văn bản, Doanh nghiệp T và chính quyền địa phương không biết. Căn cứ Điều 122 và Điều 127 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 46, Điều 127 Luật đất đai năm 2003 cần

xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tài L, bà Lê Thị M và bà Đỗ Thị N là giao dịch dân sự vô hiệu. Đối với những tài sản trên đất ông L và bà M xây dựng năm 2014 gồm có ngôi nhà cấp bốn, đổ trần thạch cao, nền gạch Cenamic; công trình vệ sinh mái đổ bê tông cốt thép; phần bán mái... Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi phát hiện ông Nguyễn Tài L xây dựng trái phép trên ô đất số 9, thửa số 31, lô 3A thuộc tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N. Doanh nghiệp T đã Thông báo và yêu cầu ông L dừng ngay việc xây dựng trái phép, thu dọn vật liệu trả lại nguyên trạng mặt bằng thửa đất. Đồng thời, ông L đã bị UBND xã N, huyện M lập biên bản vi phạm hành chính số 48/BB-VPHC ngày 17/3/2014; ra Quyết định số 21/QĐ-CT ngày 18/3/2014 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị và Quyết định số 25/QĐ-CT ngày 21/3/2014 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị nhưng gia đình ông L vẫn tiếp tục thi công xây dựng trái phép. Đồng thời, ông L và bà M biết là đất thuộc quy hoạch và nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp nhưng vẫn nhận chuyển nhượng và xây dựng tài sản kiên cố trên đất trái phép. Vì vậy, không có căn cứ xem xét bồi thường tài sản trên đất ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M đang sử dụng, cần buộc ông Nguyễn Tài L phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép, trả lại đất cho Doanh nghiệp T. Cụ thể ô đất số 09, thửa đất số 31, lô 3A bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N. Đồng thời, ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M có trách nhiệm tháo dỡ ngôi nhà cấp bốn, đổ trần thạch cao, nền gạch Cenamic; công trình vệ sinh mái đổ bê tông cốt thép; phần bán mái... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

[6] Đối với anh Nguyễn Tài Đ đã xây dựng lên đất bà N chia cho diện tích 219,3m² thuộc một phần thửa 31/11, thửa 31/12 và thửa 31/13 tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M, anh Đ đã xây dựng công trình trái phép vào năm 2015, xét thấy: Việc thỏa thuận của các bên không lập thành văn bản, không có người làm chứng. Anh Đ là người xây nhà cho bà N đồng thời bà N đã cho anh Đ xây dựng hai dãy nhà trọ lên đất bà đang quản lý. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình xây dựng anh Đ đã bị UBND xã N ra Quyết định đình chỉ thi công tại Quyết định số: 140/QĐ-CT ngày 28.10.2015, Quyết định cưỡng chế số: 143/QĐ-CT ngày 30/10/2015 và tại các biên bản vi phạm hành chính ngày 23/10/2015, ngày 27/10/2015 nhưng anh Đ vẫn cố ý không chấp hành. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh Đ không đề nghị bà N trả lại tiền xây nhà, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của Doanh nghiệp T, buộc các đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L

quan phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ diện tích đất tại ô đất số 9, số 10, số 11, số 12 và số 13, thửa đất số 31, lô 3A, thuộc tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La cho Doanh nghiệp T. Cụ thể:

- Diện tích 141,0m² đất (hiện bà Đỗ Thị N đang sử dụng) tại ô đất số 10 và một phần ô đất số 11, thửa đất số 31, lô 3A. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 7,8m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 8,6m; Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang sử dụng, dài 17,2m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M đang sử dụng, dài 17,2m.

Bà N có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp bốn lợp mái tôn; nhà bếp và công trình vệ sinh lợp proximang; bán mái; bể nước... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

- Diện tích 120,4m² đất vợ chồng ông Nguyễn Tài L đang sử dụng nằm tại ô đất số 09, thửa đất số 31, lô 3A bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 7,0m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 6,0m; Phía Đông giáp đất bà Đỗ Thị N đang sử dụng, dài 17,2m; Phía Tây giáp đất hộ ông bà B đang sử dụng, dài 17,2m.

Đồng thời, ông L và bà M có trách nhiệm tháo dỡ ngôi nhà cấp bốn, đồ trần thạch cao, nền gạch Cenamic; công trình vệ sinh mái đổ bê tông cốt thép; phần bán mái... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

- Diện tích 219,3m² đất (hiện anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang sử dụng) thuộc một phần ô đất số 11, ô đất số 12 và 13, thửa 31, lô 3A. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 13,5m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 12,0m; Phía Đông giáp đất hộ ông bà Q (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), dài 17,2m; Phía Tây giáp đất bà Đỗ Thị N đang sử dụng, dài 17,2m.

Anh Đ và chị L có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên đất gồm nhà L Đ cấp bốn, xây tường 10, lợp mái tôn, trần thạch cao, nền gạch, 10 phòng khép kín (nhà trọ)... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải đền bù mọi thiệt hại đã gây ra và mọi chi phí để giải quyết vụ kiện, nhận thấy: Doanh nghiệp T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh khoản thiệt hại cũng như chi phí để giải quyết vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[9] Về án phí, lệ phí: Đồng bị đơn, bà Đỗ Thị N và ông Nguyễn Tài L, bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp ngày 11/08/2017. Tổng chi phí định giá tài sản là 1.850.000VNĐ theo Bảng kê chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11/8/2017. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và không đề nghị bị đơn phải chịu. Do yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 149, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 247, Điều 256, Điều 258, Điều 599 Bộ luật dân sự 2005. Khoản 2 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp T, buộc đồng bị đơn bà Đỗ Thị N, vợ chồng ông Nguyễn Tài L, bà Lê Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L phải trả lại toàn bộ diện tích 480,4m² đất và tháo dỡ toàn bộ tài sản đã xây dựng trên đất, cụ thể như sau:

- Buộc bà Đỗ Thị N phải trả cho Doanh nghiệp T 141,0m² đất (hiện bà Đỗ Thị N đang sử dụng) tại ô đất số 10 và một phần ô đất số 11, thuộc thửa 31, lô 3A. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 7,8m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 8,6m; Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang sử dụng, dài 17,2m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M đang sử dụng, dài 17,2m. Buộc bà N tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp bốn lợp mái tôn; nhà bếp và công trình vệ sinh lợp proximang; bán mái; bể nước... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

- Buộc ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M phải trả 120,4m² đất đang sử dụng nằm tại ô đất số 09, thửa đất số 31, lô 3A bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất 1/500 khu dân cư đô thị mới ngã ba N, xã N. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 7,0m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 6,0m; Phía Đông giáp đất bà Đỗ Thị N đang sử dụng, dài 17,2m; Phía Tây giáp đất hộ ông bà B đang sử dụng, dài 17,2m. Ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M có trách nhiệm tháo dỡ

ngôi nhà cấp bốn, đồ trần thạch cao, nền gạch Ceramic; công trình vệ sinh mái đổ bê tông cốt thép; phần bán mái... để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

- Buộc anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L phải trả cho Doanh nghiệp T diện tích 219,3m² đất (hiện anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L đang sử dụng làm nhà nghỉ trọ) thuộc một phần ô đất số 11, ô đất số 12 và 13, thửa 31, lô 3A. Tứ cạnh: Phía Bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư tuyến số 17, dài 13,5m; Phía Nam giáp đất lô 3A, dài 12,0m; Phía Đông giáp đất hộ ông bà Q (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), dài 17,2m; Phía Tây giáp đất bà Đỗ Thị N đang sử dụng, dài 17,2m. Anh Đ và chị L có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên đất gồm nhà liên đại cấp bốn, xây tường 10, lợp mái tôn, trần thạch cao, nền gạch, 10 phòng khép kín (nhà trọ) để trả lại mặt bằng cho Doanh nghiệp T.

(Toàn bộ các thửa đất có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 11/8/2017 kèm theo).

2. Chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời tài sản của Doanh nghiệp T cho bà Đỗ Thị N số tiền 30.000.000VNĐ theo Biên lai thu tiền số AB/2010/004015 ngày 22/01/2018. Bà N được nhận số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000VNĐ, ông Nguyễn Tài L và bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000VNĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan anh Nguyễn Tài Đ và chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000VNĐ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền dự phí đã nộp 200.000VNĐ tại Chi cục thi hành án dân sự Mai Sơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004874 ngày 14/04/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Chấp nhận sự tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Doanh nghiệp T số tiền 1.850.000 VNĐ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện M theo Biên lai thu

ngày 31/07/2017, được trả lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên nhận trả lại tiền tạm ứng chi phí định giá ngày 18/8/2017.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nông Văn Thịnh